

Số: /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 37/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các tổ chức, người sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC, CNNXD, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

QUY ĐỊNH

Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 5, Điều 14, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác, gồm:

- Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Hộ gia đình, cộng đồng dân cư (bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm);
- Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là việc không dùng được các biện pháp kỹ thuật để đưa diện tích đất vi phạm trở lại theo mục đích sử dụng đất như ban đầu hoặc tương đương với các thửa đất liền kề bao gồm chất lượng đất, địa hình đất so với thời điểm trước khi vi phạm.

2. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là việc dùng các biện pháp kỹ thuật để đưa diện tích đất vi phạm trở lại phù hợp với mục đích sử dụng đất ban đầu hoặc tương đương với các thửa đất liền kề bao gồm chất lượng đất, địa hình đất so với thời điểm trước khi vi phạm.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Theo loại đất được quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và hiện trạng sử dụng đất trước khi vi phạm.

2. Theo hồ sơ, tài liệu về đất đai qua các thời kỳ quản lý có thể hiện thông tin về tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Trường hợp không có hồ sơ, tài liệu thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm xác minh tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên cơ sở ý kiến trình bày của người vi phạm và ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi vi phạm.

Điều 5. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất:

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Trường hợp diện tích đất vi phạm thuộc nhóm đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc đang thực hiện quy hoạch nông thôn mới hoặc các thửa đất nông nghiệp bị bỏ hoang không thể canh tác được nữa do trũng thấp, không có nguồn nước hoặc trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún.

Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất thuộc nhóm đất nông nghiệp bị ảnh hưởng nêu trên không sản xuất, canh tác được nữa để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ. Trường hợp diện tích đất vi phạm nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún thì phải có văn bản của cơ quan có chức năng xác định theo quy định;

b) Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Trường hợp diện tích đất vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị ảnh

hưởng sản xuất, canh tác được nữa để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ. Trường hợp diện tích đất vi phạm nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún thì phải có văn bản của cơ quan có chức năng xác định theo quy định;

c) Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Trường hợp diện tích đất vi phạm thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt, chấp thuận hoặc trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún.

Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ. Trường hợp diện tích đất vi phạm nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún thì phải có văn bản của cơ quan có chức năng xác định theo quy định.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình đất:

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất

- Trường hợp hành vi vi phạm làm thay đổi độ dốc bề mặt đất mà diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp với mục đích đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Trường hợp hành vi hạ thấp bề mặt đất từ đất có độ dốc cao (trên 45⁰) và có vị trí độc lập xuống độ dốc thấp hoặc đất không bằng phẳng thành đất có bề mặt bằng phẳng.

Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất thuộc các trường hợp nêu trên để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ;

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (*trừ hồ thủy lợi*)

Tại thời điểm vi phạm hành chính mà diện tích đất có mặt nước chuyên dùng được xác định không còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định. Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất có mặt nước chuyên dùng không còn sử dụng vào mục đích tưới

tiêu hoặc tạo cảnh quan, môi trường để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ;

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (*trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận*).

Trường hợp diện tích đất vi phạm thuộc các dự án đang triển khai thực hiện và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt hoặc phù hợp quy hoạch nông thôn mới; các thửa đất nông nghiệp bị bỏ hoang không thể canh tác được nữa do trũng thấp, không có nguồn nước hoặc trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún.

Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xác định diện tích đất thuộc trường hợp nêu trên để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 4 Điều 14, Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ. Trường hợp diện tích đất vi phạm nằm trong khu vực có nguy cơ sạt lở, sụt lún thì phải có văn bản của cơ quan có chức năng xác định theo quy định.

Điều 6. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất:

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Buộc khôi phục lại độ dày tầng đất như trước khi vi phạm, loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là đất cũ đã lấy đi. Trường hợp đất cũ đã lấy đi sử dụng vào việc khác mà không vận chuyển lại được thì sử dụng đất khác và phải sử dụng các biện pháp kỹ thuật cải tạo đất để đảm bảo chất lượng đất phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng;

b) Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Buộc thu, dọn các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và phải sử dụng các biện pháp kỹ thuật để khôi phục lại lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

c) Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Buộc thực hiện các biện pháp kỹ thuật (*như dùng công cụ, máy móc, vật liệu, xây dựng công trình...*) để bảo vệ, gia cố lại khu vực đất, tăng cường khả năng giữ đất, giảm thiểu xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp; cải tạo lại đất bằng các biện pháp trong nông nghiệp (*như trồng cây che phủ, cải thiện hàm lượng chất hữu cơ trong đất, tạo thảm thực vật, làm ruộng bậc thang...*) để đảm bảo chất lượng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình đất:

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất: Buộc thực hiện các biện pháp kỹ thuật để san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất như trước khi vi phạm; san lấp, khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề;

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (*trừ hồ thủy lợi*)

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính mà đất có mặt nước chuyên dùng vẫn được xác định còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định thì buộc phải nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng như trước khi vi phạm;

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (*trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận*).

Buộc thực hiện các biện pháp kỹ thuật để san lấp, khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề, loại đất sử dụng để khôi phục lại bề mặt đất là đất cũ đã lấy đi. Trường hợp đất cũ đã lấy đi sử dụng vào việc khác mà không vận chuyển lại được thì sử dụng đất khác và phải cải tạo đất để đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Trách nhiệm kiểm tra các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất

Người lập biên bản vi phạm hành chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức kiểm tra, xác nhận các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phổ biến, thực hiện nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật./.